

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày 22-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Anh Tuấn

Ông Vũ Văn Lầy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hoàng Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An và điểm cầu thành phần là Trại tạm giam Công an thành phố H, Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc T, sinh năm 1980 tại Hải Dương. Nơi đăng ký thường trú: Xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi sinh sống: Số D phố Q, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 và bà Lê Thị Hồng X; chưa có vợ, con; tiền án: Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 16/2005/HSST ngày 27/6/2005, Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chưa xoá án tích); tiền sự: Không; nhân thân:

+ Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 315/1999/HSST ngày 21/9/1999, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 năm tù về tội giết người chưa đạt (đã xoá án tích).

+ Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 74/2019/HSST ngày 06/11/2019, Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xoá án tích).

Bị tạm giữ từ ngày 12/12/2023 đến ngày 21/12/2023 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Chị Trần Thị T2, sinh năm 1970; cư trú tại: Số C đường T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Ông Đỗ Ka R, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953; cùng cư trú tại: Số G đường T, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; ông Ka R có mặt, bà H vắng mặt.

3. Chị Phạm Thị Nhật Y, sinh năm 1986; cư trú tại: Số C T, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần:* Bà Vũ Thị T3 – Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/2023 đến ngày 10/12/2023, Phạm Ngọc T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn quận K, thành phố Hải Phòng cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 27/11/2023, Phạm Ngọc T một mình đi từ nhà đến khu vực quận K với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà chị Trần Thị T2 ở số C đường T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng T quan sát thấy cửa sổ tầng 3 của nhà chị T2 trong tình trạng mở, không có song sắt bên trong nên T đã trèo lên nhà bên cạnh là nhà số D đường C, phường T, sau đó chui vào cửa sổ tầng 3 của nhà chị T2 để vào trong nhà. T thấy điện tắt, quan sát không thấy có người nên T đã đi từ tầng 3 xuống tầng 1, mục đích tìm kiếm tài sản để trộm cắp. T nhìn thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode màu xanh, Biển kiểm soát: 15N1-084.63 của chị T2 đang dựng ở tầng 1, T tìm thấy 01 chùm chìa khoá nhà và chìa khoá xe mô tô ở đằng sau tivi. Sau đó T dùng chìa khoá vừa tìm được để mở cửa và dắt xe mô tô của chị T2 ra ngoài đường, rồi điều khiển xe mô tô về nhà cất giấu. Sau khi trộm cắp được chiếc xe mô tô của chị T2, T đã bán cho một người đàn ông trên mạng xã hội (không rõ lai lịch) với giá 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 04/12/2023, Phạm Ngọc T đi taxi từ nhà đến khu vực Cầu N, quận K với mục đích trộm cắp tài sản, đến chân Cầu N thì

dừng xe, sau đó T đi bộ dọc tuyến đường T hướng về ngã 6 Quán T. Khi đến trước cửa nhà của vợ chồng ông Đỗ Ka R và bà Nguyễn Thị H ở số G đường T, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng. T quan sát thấy cửa sổ tầng 3 mở, không có song sắt bên trong nên T đã trèo lên nhà số G, sau đó chui vào cửa sổ tầng 3 để đi vào nhà của vợ chồng bà H. T quan sát thấy điện tắt, không có người nên đã đi từ tầng 3 xuống tầng 2, mục đích tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Tại đây T đã trộm cắp 04 chai rượu (ở phòng khách) và 04 chiếc kính thời trang (để trong tủ), lúc này T thấy có 01 chùm chìa khóa xe để tại tầng 2, T đã cầm chìa khóa đi xuống tầng 1, thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ bạc đen Biển kiểm soát: 15B1-613.75 dựng tại tầng 1, T dùng chùm chìa khóa vừa lấy được tại tầng 2 mở cửa cuốn và dắt chiếc xe mô tô trên ra ngoài. Sau đó, điều khiển xe mô tô vừa chiếm đoạt được về nhà cất giấu. T để 04 chai rượu đã trộm cắp được lên tủ trưng bày và sử dụng 02 chiếc kính trộm cắp được, còn 02 chiếc kính bị hỏng nên đã vứt đi. Chiếc xe mô tô đã chiếm đoạt được của vợ chồng bà H, T đã bán cho một người đàn ông trên mạng xã hội (không xác định lai lịch) với giá 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 0 giờ 05 phút ngày 10/12/2023, với thủ đoạn tương tự như trên, T một mình đi từ nhà đến khu vực đến khu vực chân C với mục đích trộm cắp tài sản, T đi bộ dọc tuyến đường T hướng về ngã 6 Quán T. Khi đến nhà của chị Phạm Thị Nhật Y ở số C đường T, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng. T quan sát thấy cửa sổ tầng 3, không có song sắt bên trong nên T đã trèo lên lan can nhà số C sau đó chui vào cửa sổ tầng 3 để đi vào nhà chị Y. T quan sát thấy điện tắt, không có người nên đã đi từ tầng 3 xuống tầng 1 tìm tài sản để trộm cắp. Khi xuống đến tầng 1, T thấy 02 chùm chìa khoá để ở tủ đồ dưới chân cầu thang, T quan sát thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ đen Biển kiểm soát: 15B2-916.67 đang dựng trong nhà, T lấy chìa khoá mở cửa nhà và dắt xe mô tô của chị Y ra ngoài, sau đó điều khiển xe về nhà, nhưng chưa kịp tiêu thụ thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện và ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với T.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Ngọc T tại số D phố Q, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ đen Biển kiểm soát: 15B2 - 916.67; 05 chai loại thủy tinh bên trong chứa chất lỏng (nghĩ là rượu); 04 chiếc kính mắt (loại kính thời trang); 01 đôi giày ba ta trắng kẻ xanh; 01 đôi giày thể thao màu trắng đen; 01 quần bò; 01 áo gió tối màu.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 61/KL-HĐĐGTS ngày 12/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận K kết luận: “01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, B kiểm soát: 15B2-916.67 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 17.800.000 đồng”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 05/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận K kết luận: “01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode màu xanh nâu Biển kiểm soát: 15N1-084.63 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 26.500.000 đồng”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 05/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận K kết luận: “01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ bạc đen Biển kiểm soát: 15B1-613.75 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 11.200.000 đồng, đối với 04 chai rượu và 04 chiếc kính mắt thời trang không đủ căn cứ định giá”.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, Biển kiểm soát: 15B2-916.67 màu đen đỏ cho bị hại là chị Phạm Thị Nhật Y. Chị Y đã nhận lại tài sản và không yêu cầu, đề nghị gì. Đối với 02 chiếc kính thời trang và 04 chai rượu thu giữ tại nhà ở của bị can Phạm Ngọc T4, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận K đã trả lại cho vợ chồng bà H.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị Nhật Y đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu đề nghị gì; ông Đỗ Ka R và bà Nguyễn Thị H yêu cầu Phạm Ngọc T4 phải bồi thường dân sự là 10.000.000 đồng; chị Trần Thị T2 yêu cầu Phạm Ngọc T4 phải bồi thường dân sự là 30.000.000 đồng.

Vật chứng, tài sản thu giữ gồm: 01 đôi giày ba ta trắng kẻ xanh, 01 đôi giày thể thao màu trắng đen, 01 quần bò, 01 áo gió tối màu là đồ dùng cá nhân của T4 thu giữ tại nhà T4 chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 33/CT- VKSKA ngày 05/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng đã truy tố Phạm Ngọc T4 về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng thực hành quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/12/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội và xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

- Về xử lý tài sản thu giữ: Trả lại bị cáo 01 đôi giày ba ta trắng kẻ xanh, 01 đôi giày thể thao màu trắng đen, 01 quần bò, 01 áo gió tối màu.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Ngọc T4 phải bồi thường cho ông Đỗ Ka R và bà Nguyễn Thị Hằng số tiền là 10.000.000 đồng, bồi thường cho chị Trần Thị T2 số tiền là 30.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với xã hội, làm lại cuộc đời, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Bị hại Phạm Thị Nhật Y không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm; bị hại Đỗ Ka R yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự với số tiền là 10.000.000 đồng; bị hại Trần Thị T2 yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự với số tiền là 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Kiến An, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại; phù hợp với vật chứng thu giữ; kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/2023 đến ngày 10/12/2023, Phạm Ngọc T4 lợi dụng đêm tối và sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản nên đã lén lút chiếm đoạt 03 chiếc xe mô tô gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode màu xanh nâu, Biển kiểm soát: 15N1-084.63 trị giá 26.500.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ bạc đen Biển kiểm soát: 15B1-613.75 trị giá 11.200.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đen đỏ, B kiểm soát: 15B2-916.67 trị giá 17.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Phạm Ngọc T4 đã chiếm đoạt của các bị hại là 55.500.000 (năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bị cáo là người có đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Căn cứ vào tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp và các tình tiết khác của vụ án xác định bị cáo đã vi phạm điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện do lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây mất trật tự trị an xã hội, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/2023 đến ngày 10/12/2023, bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân lại có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm” theo quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã *"thành khẩn khai báo"* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Xét nhân thân bị cáo thấy nhiều lần bị Tòa án kết án, mặc dù các tiền án này đã được xóa, nhưng cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo rất kém. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét vấn đề này khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây nên, căn cứ quy định pháp luật hình sự, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thích hợp và cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Phạm Thị Nhật Y đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu đề nghị gì; vợ chồng ông Đỗ Ka R và bà Nguyễn Thị H yêu cầu Phạm Ngọc T4 phải bồi thường dân sự là 10.000.000 đồng, chị Trần Thị T2 yêu cầu Phạm Ngọc T4 phải bồi thường dân sự là 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại số tiền này nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[11] Về xử lý đối với tài sản thu giữ của bị cáo: Đối với 01 đôi giày ba ta trắng kẻ xanh, 01 đôi giày thể thao màu trắng đen, 01 quần bò, 01 áo gió tối màu là

đồ dùng cá nhân của T4 thu giữ tại nhà T4, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại bị cáo.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với 02 chiếc kính thời trang và 01 chai rượu không có nguồn gốc thu tại nhà T4, T4 khai đã trộm cắp từ lâu, không nhớ thời gian và địa điểm trộm cắp và cũng không xác định được bị hại nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận K tách ra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

[14] Đối với các đối tượng chưa xác định lai lịch đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode màu xanh nâu Biển kiểm soát: 15N1-084.63 và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ bạc đen Biển kiểm soát 15B1-613.75 của bị cáo Phạm Ngọc T4, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý sau là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt chính: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, các điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T4 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T4 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/12/2023.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các điều 584, 585, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc T4 phải bồi thường cho ông Đỗ Ka R và bà Nguyễn Thị Hằng số tiền là 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng).

Buộc bị cáo Phạm Ngọc T4 phải bồi thường cho chị Trần Thị T2 số tiền là 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý đối với tài sản thu giữ của bị cáo: Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Trả lại bị cáo 01 đôi giày ba ta trắng kẻ xanh, 01 đôi giày thể thao màu trắng đen, 01 quần bò, 01 áo gió tối màu là đồ dùng cá nhân của T4 thu giữ tại nhà T4.

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 17/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Kiến An)

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 và khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Phạm Ngọc T4 phải nộp 200.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo và những bị hại có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- VKSND quận Kiến An;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Kiến An;
- Trại tạm giam Công an TP. Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an quận Kiến An;
- Phòng PV06 - Công an TP. Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Kiến An;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bình